

IBBS VÒNG II

Giám sát Kết hợp
Hành vi và Các chỉ số
Sinh học HIV/STI

Nhóm phụ nữ mại dâm

Chương trình giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học (IBBS) tại Việt Nam được thiết kế nhằm ước tính và theo dõi sự thay đổi về chiều hướng hiện nhiễm HIV, các nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục (STI), các hành vi nguy cơ và mức độ tiếp cận các chương trình can thiệp trong các nhóm quần thể nguy cơ cao nhiễm HIV như người tiêm chích ma túy (TCMT), phụ nữ mại dâm (PNMD) và nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM). Đây là một trong những tài liệu nằm trong bộ báo cáo tóm tắt của IBBS. Giám sát được thực hiện qua hai vòng, vòng I vào năm 2006 và vòng II vào năm 2009.



Năm 2006, 3.547 PNMD (bao gồm 1.588 PNMD đường phố và 1.959 PNMD nhà hàng) tại 07 tỉnh thành: An Giang, Đà Nẵng, Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh (Tp. HCM), Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh đã tham gia IBBS vòng I. Năm 2009, 5.458 PNMD (bao gồm 2.690 PNMD đường phố và 2.768 PNMD nhà hàng) tại 11 tỉnh thành, trong đó có 07 tỉnh thành nằm trong IBBS vòng I và 04 tỉnh thành mới là Đồng Nai, Lào Cai, Nghệ An và Yên Bái đã tham gia IBBS vòng II. Người tham gia nghiên cứu được lựa chọn thông qua phương pháp chọn mẫu cụm-thời gian, có thể lấy mẫu toàn bộ hoặc lấy mẫu ngẫu nhiên hệ thống. PNMD được lựa chọn theo hai nhóm chính: PNMD đường phố (MDĐP) và PNMD nhà hàng (MDNH).

Tỷ lệ hiện nhiễm HIV và STI

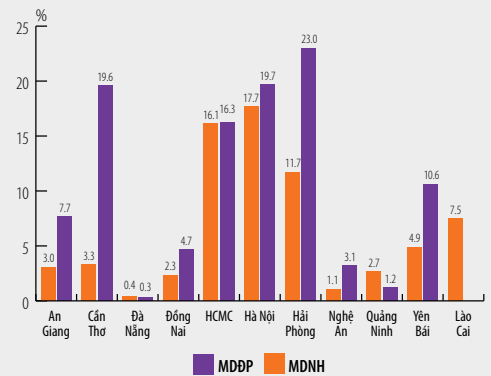
Vào năm 2009, tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm PNMD cao nhất tại Hà Nội, Hải Phòng, Tp. HCM và Cần Thơ (>15%). Tỷ lệ hiện nhiễm HIV thấp nhất tại Quảng Ninh, Nghệ An và Đà Nẵng (<3%). MDĐP tại Hải Phòng có tỷ lệ hiện nhiễm cao nhất ở mức 23%. Nhìn chung, MDĐP có tỷ lệ hiện nhiễm cao hơn MDNH (Biểu đồ 1).

Trong nhóm MDNH, tỷ lệ hiện nhiễm năm 2009 cao hơn năm 2006 tại Hà Nội, Hải Phòng và Tp. HCM nhưng thấp hơn tại các tỉnh thành khác. Trong nhóm MDĐP, tỷ lệ hiện nhiễm HIV duy trì ổn định hoặc giảm tại Hà Nội, Quảng Ninh, Đà Nẵng và Cần Thơ nhưng tăng lên tại An Giang, Tp. HCM và Hải Phòng.

Tỷ lệ hiện nhiễm STI năm 2009 thấp hơn so với năm 2006 trong cả hai nhóm MDĐP và MDNH tại Hà Nội. Tỷ lệ hiện nhiễm Chlamydia tăng lên trong nhóm MDĐP tại Tp. HCM (10% năm 2009 so với 6% năm 2006). Tỷ lệ hiện nhiễm Lậu duy trì ở mức thấp và gần như không có tại cả hai thành phố (Biểu đồ 2). Tỷ lệ hiện nhiễm Giang mai trong nhóm PNMD duy trì ở mức thấp dưới 2% tại hầu hết các tỉnh thành nằm trong nghiên cứu, trừ Cần Thơ và An Giang.

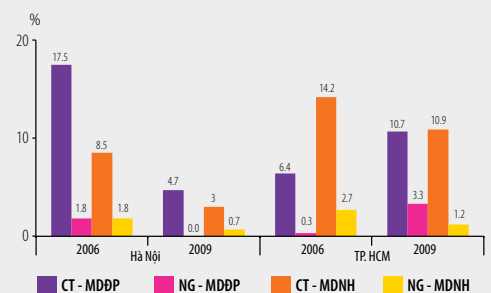
Biểu đồ 1:

Tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm MDNH và MDĐP, IBBS 2009



Biểu đồ 2:

Tỷ lệ hiện nhiễm Chlamydia (CT) và Lậu (NG) trong nhóm MDNH và MDĐP tại Hà Nội và TP. HCM, IBBS 2006 và 2009



IBBS là sáng kiến được thực hiện bởi các cơ quan dưới đây:



Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung Ương (NIHE) | Cục Phòng chống HIV/AIDS (VAAC) | FHI 360 | Văn phòng Liên hợp quốc Phòng chống Ma túy và Tội phạm (UNODC) | Cơ quan Hợp tác và Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) | Trung tâm Dự phòng và Kiểm soát Bệnh tật Hoa Kỳ (CDC).

Ấn phẩm IBBS được xuất bản với sự hỗ trợ từ nhân dân Mỹ thông qua Cơ quan Hợp tác và Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Trung tâm Dự phòng và Kiểm soát Bệnh tật Hoa Kỳ (CDC), các tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung và nội dung này không nhất thiết phản ánh quan điểm của USAID, CDC hay Chính phủ Hoa Kỳ.

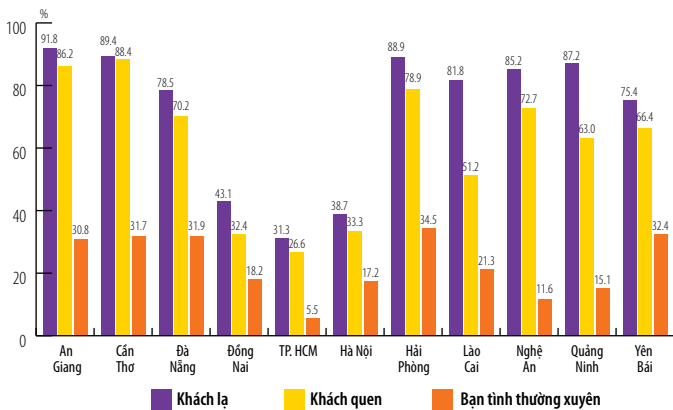
Các chỉ số hành vi nguy cơ nhiễm HIV/STI

Loại bạn tình và hành vi sử dụng bao cao su

Nhìn chung, tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên với bạn tình thường xuyên trong một tháng qua duy trì ở mức thấp tại hầu hết các tỉnh thành trong cả hai nhóm MDĐP và MDNH. Trong nhóm MDĐP, tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên khi quan hệ tình dục (QHTD) với khách lạ và khách quen thường cao hơn so với bạn tình thường xuyên. Tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên được báo cáo ở mức rất thấp tại Hà Nội, Tp. HCM và Đồng Nai (Biểu đồ 3). Chiều hướng tương tự cũng được tìm thấy trong nhóm MDNH (Biểu đồ 4).

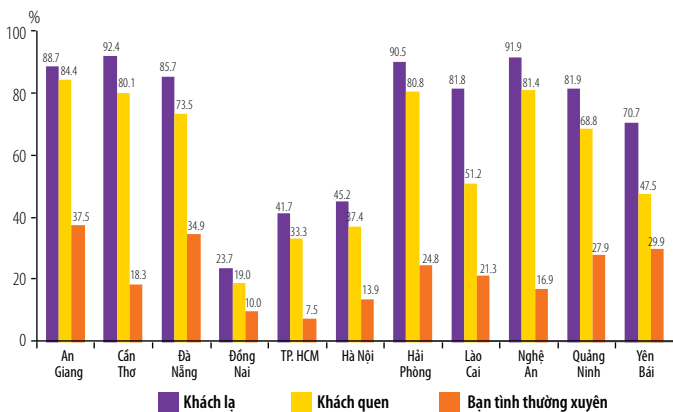
Biểu đồ 3:

MDĐP sử dụng bao cao su thường xuyên trong tháng qua theo loại bạn tình, IBBS 2009



Biểu đồ 4:

MDNH sử dụng bao cao su thường xuyên trong tháng qua theo loại bạn tình, IBBS 2009



IBBS Vòng II: Giám sát Kết hợp Hành vi và Các chỉ số Sinh học HIV/STI

Tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên trong hai nhóm MDDP và MDNH năm 2009 thấp hơn đáng kể so với năm 2006 với cả khách lạ và khách quen. Tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên trong nhóm MDĐP tại Tp. HCM giảm mạnh từ 69% xuống 31% với khách lạ, và từ 64% xuống 27% với khách quen. Tại Hà Nội, cũng trong khoảng thời gian này, tỷ lệ PNMD báo cáo sử dụng bao cao su thường xuyên giảm từ 72% xuống 39% với khách lạ, và từ 56% xuống 33% với khách quen. Trong nhóm MDNH, tỷ lệ này giảm từ 81% xuống 42% với khách lạ, 72% xuống 33% với khách quen tại Tp. HCM và giảm từ 81% xuống 45% với khách lạ, 57% xuống 37% với khách quen tại Hà Nội. Tuy vậy, kết quả từ Hải Phòng, Đà Nẵng và Cần Thơ lại cho thấy tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên tăng lên vào năm 2009.

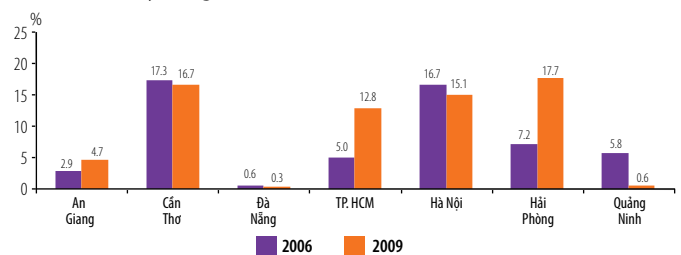
Sử dụng ma túy

Trong năm 2009, tại các khu vực thành thị và cảng biển như Hà Nội, Hải Phòng, Tp. HCM và Cần Thơ, hành vi sử dụng ma túy trong cả hai nhóm PNMD, đặc biệt là MDĐP nhìn chung cao hơn rất nhiều so với mặt bằng chung. Nhóm MDĐP có chiều hướng báo cáo sử dụng ma túy nhiều hơn nhóm MDNH (Biểu đồ 5 và Biểu đồ 6). Tỷ lệ tiêm chích ma túy cũng cao hơn tại các tỉnh thành này và MDĐP thường báo cáo có hành vi tiêm chích ma túy nhiều hơn MDNH.

Tỷ lệ tiêm chích ma túy trong nhóm MDĐP năm 2009 so với năm 2006 tăng đáng kể tại Hải Phòng (từ 7% lên 18%) và Tp. HCM (từ 5% lên 13%). Tỷ lệ này duy trì tương đối ổn định hoặc giảm xuống tại các tỉnh thành khác qua hai vòng IBBS (Biểu đồ 5 và Biểu đồ 6). Do PNMD tại Việt Nam bị kỳ thị do cả công việc bán dâm của họ cũng như hành vi sử dụng ma túy, các số liệu về hành vi tự báo cáo của nhóm đối tượng này có thể còn thấp hơn so với thực tế.

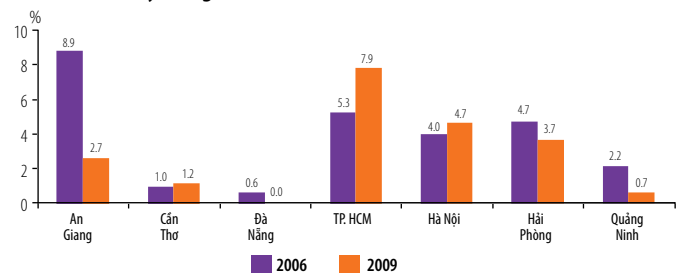
Biểu đồ 5:

Tiêm chích ma túy trong nhóm MDĐP, IBBS 2006 và 2009



Biểu đồ 6:

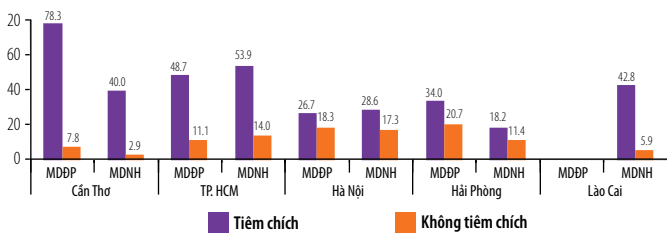
Tiêm chích ma túy trong nhóm MDNH, IBBS 2006 và 2009



Tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm PNMD tiêm chích cao hơn nhóm PNMD không tiêm chích tại tất cả các tỉnh thành nằm trong nghiên cứu. Tỷ lệ này đặc biệt cao trong nhóm PNMD tiêm chích tại Cần Thơ, Tp. HCM, Lào Cai, Hải Phòng và Hà Nội. Khác biệt rõ rệt nhất được quan sát tại Cần Thơ với tỷ lệ hiện nhiễm 78% trong nhóm MDĐP tiêm chích so với 8% trong nhóm MDĐP không tiêm chích. MDĐP và MDNH tiêm chích tại Tp. HCM có tỷ lệ hiện nhiễm cao tương đương ở mức 49% và 54%, so với tỷ lệ hiện nhiễm 11% và 14% trong nhóm không tiêm chích (Biểu đồ 7). Tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm PNMD tiêm chích là tương đồng, thậm chí cao hơn nhóm nam TCMT tại các tỉnh thành này. Số liệu báo cáo cho thấy tiêm chích ma túy vẫn là yếu tố nguy cơ chủ chốt trong việc lây nhiễm HIV trong nhóm PNMD. Thêm vào đó, trên 10% MDĐP tại Hà Nội, Quảng Ninh, Tp. HCM, Cần Thơ và Yên Bái báo cáo rằng bạn tình thường xuyên của họ tiêm chích ma túy.

Biểu đồ 7:

Nhiễm HIV trong nhóm PNMD có tiêm chích ma túy và không tiêm chích ma túy, IBBS 2009



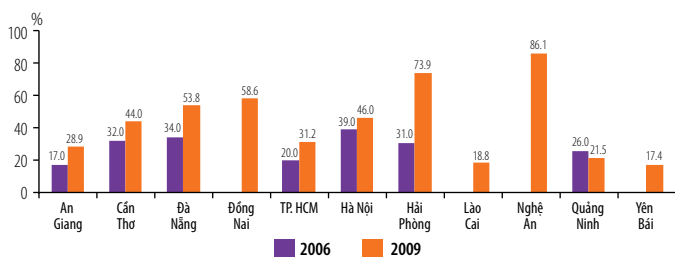
Tiếp cận với chương trình can thiệp

Xét nghiệm HIV

Biểu đồ 8 và Biểu đồ 9 minh họa tỷ lệ PNMD đã từng xét nghiệm HIV và nhận kết quả xét nghiệm. Mặc dù xét nghiệm HIV về cơ bản tăng lên trong nhóm PNMD ngoại trừ tại Quảng Ninh, tỷ lệ này vẫn duy trì ở mức thấp tại hầu hết các tỉnh thành. Nhìn chung, MDĐP báo cáo đã từng xét nghiệm HIV và biết kết quả xét nghiệm nhiều hơn MDNH. Tỷ lệ này dao động trong khoảng từ 17% (Yên Bái) đến 86% (Nghệ An) trong nhóm MDNH và từ 21% (Yên Bái) đến 79% (Hải Phòng) trong nhóm MDĐP. Tỷ lệ xét nghiệm tại các tỉnh thành nghiên cứu mới như Lào Cai và Yên Bái thấp hơn rất nhiều so với các tỉnh thành khác.

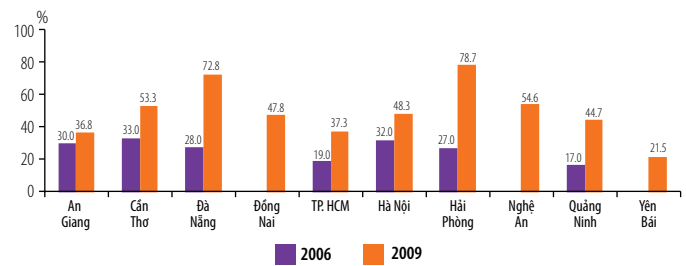
Biểu đồ 8:

Tỷ lệ MDNH đã từng xét nghiệm HIV và biết kết quả, IBBS 2006 và 2009



Biểu đồ 9:

Tỷ lệ MDĐP đã từng xét nghiệm HIV và biết kết quả, IBBS 2006 và 2009



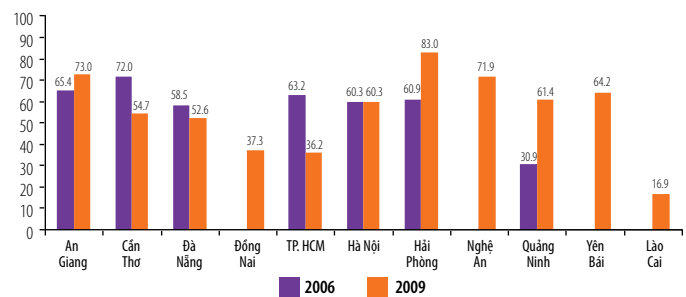
Chương trình bao cao su

Hầu hết PNMD trong nghiên cứu 2009 báo cáo nhận được bao cao su giá rẻ hoặc miễn phí trong sáu tháng trước nghiên cứu. Tuy nhiên trên 60% PNMD tại Tp. HCM, Lào Cai và Đồng Nai báo cáo họ không nhận được. Tỷ lệ báo cáo nhận được bao cao su giá rẻ/miễn phí năm 2009 có chiều hướng giảm so với năm 2006 tại một số tỉnh thành (Tp. HCM, Cần Thơ, Đà Nẵng) trong khi lại tăng rõ rệt tại các tỉnh thành khác (Hải Phòng, An Giang).

Có sự khác biệt giữa nhóm MDNH và MDĐP trong việc tiếp cận với bao cao su giá rẻ/miễn phí tại nhiều tỉnh thành. Nhìn chung, tỷ lệ tiếp cận bao cao su giá rẻ/miễn phí được báo cáo cao hơn trong nhóm MDĐP. Trên 80% MDĐP tại Hải Phòng, An Giang, Cần Thơ và Nghệ An báo cáo tiếp cận được với bao cao su giá rẻ/miễn phí trong sáu tháng trước nghiên cứu.

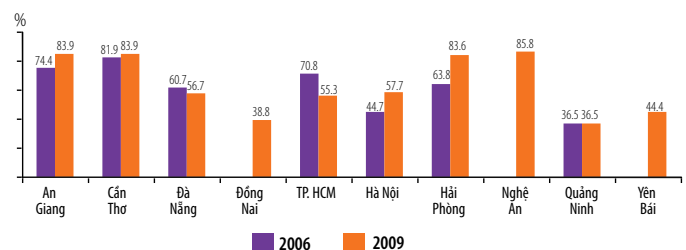
Biểu đồ 10:

Tỷ lệ MDNH nhận được bao cao su miễn phí hoặc giá rẻ trong 6 tháng qua, IBBS 2006 và 2009



Biểu đồ 11:

Tỷ lệ MDĐP nhận được bao cao su miễn phí hoặc giá rẻ trong 6 tháng qua, IBBS 2006 và 2009



IBBS Vòng II: Giám sát Kết hợp Hành vi và Các chỉ số Sinh học HIV/STI

N h ó m p h ụ n ữ m ạ i d â m

Các chỉ số	An Giang	Cần Thơ	Đà Nẵng	Đồng Nai	TP. HCM	Hà Nội	Hải Phòng	Nghệ An	Quảng Ninh	Yên Bái	Lào Cai
Tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm MDNH (n)	263	354	251	300	304	300	300	274	298	123	160
Tỷ lệ %	3	3.3	0.4	2.3	16.1	17.7	11.7	1.1	2.7	4.9	7.5
Chlamydia (n)	NA	NA	NA	NA	304	300	NA	NA	NA	NA	NA
Tỷ lệ %	NA	NA	NA	NA	10.9	3	NA	NA	NA	NA	NA
MDNH báo cáo chảy mủ/dịch niệu đạo trong 12 tháng qua (n)	263	352	251	300	304	300	300	274	298	122	160
Tỷ lệ %	35.4	49	12.4	58	42.7	57.3	22.7	27.7	32.2	9	30
MDNH báo cáo đau, loét, sùi bộ phận sinh dục trong 12 tháng qua (n)	263	352	251	300	303	300	300	274	298	122	160
Tỷ lệ %	7.6	17.5	4	35.3	11.5	22.7	7.7	22.6	21.8	1.6	16.3
Sử dụng bao cao su thường xuyên với khách lạ trong 1 tháng qua (n)	194	299	216	228	216	280	284	272	166	99	159
Tỷ lệ %	88.7	92.4	85.7	23.7	41.7	45.2	90.5	91.9	81.9	70.7	81.8
Sử dụng bao cao su thường xuyên với khách quen trong 1 tháng qua (n)	218	291	166	284	279	278	271	172	288	101	121
Tỷ lệ %	84.4	80.1	73.5	19	33.3	37.4	80.8	81.4	68.8	47.5	51.2
Sử dụng bao cao su thường xuyên với bạn tình thường xuyên trong 1 tháng qua (n)	128	190	109	120	145	144	114	154	172	67	75
Tỷ lệ %	37.5	18.3	34.9	10	7.5	13.9	24.8	16.9	27.9	29.9	21.3
MDNH đã từng tiêm chích ma túy (n)	263	354	251	300	304	300	300	274	298	123	160
Tỷ lệ %	2.7	1.2	0	0.3	7.9	4.7	3.7	0.4	0.7	0	4.4
MDNH đã từng xét nghiệm HIV và biết kết quả	263	352	251	297	305	300	299	273	298	121	160
Tỷ lệ %	28.9	44	53.8	58.6	31.2	46	73.9	86.1	21.5	17.4	18.8

Các chỉ số	An Giang	Cần Thơ	Đà Nẵng	Đồng Nai	TP. HCM	Hà Nội	Hải Phòng	Nghệ An	Quảng Ninh	Yên Bái
Tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm MDĐP (n)	300	138	300	300	299	300	300	282	159	151
Tỷ lệ %	7.7	19.6	0.3	4.7	16.3	19.7	23	3.2	1.3	10.6
Chlamydia (n)	NA	NA	NA	NA	299	300	NA	NA	NA	NA
Tỷ lệ %	NA	NA	NA	NA	10.7	4.7	NA	NA	NA	NA
MDĐP báo cáo chảy mủ/dịch niệu đạo trong 12 tháng qua (n)	300	138	300	300	300	300	300	281	159	151
Tỷ lệ %	34.7	44.2	19.3	49.7	44.2	53	30.7	40.9	48.4	20.5
MDĐP báo cáo đau, loét, sùi bộ phận sinh dục trong 12 tháng qua (n)	300	138	300	298	300	300	300	281	159	151
Tỷ lệ %	12	23.9	9	23.8	14.3	22	18.7	32.7	14.5	9.3
Sử dụng bao cao su thường xuyên với khách lạ trong tháng qua (n)	245	123	274	204	272	279	288	257	39	126
Tỷ lệ %	91.8	89.4	78.5	43.1	31.3	38.7	88.9	85.2	87.2	75.4
Sử dụng bao cao su thường xuyên với khách quen trong 1 tháng qua (n)	247	112	228	225	247	264	227	205	46	137
Tỷ lệ %	86.2	88.4	70.2	32.4	26.6	33.3	78.9	72.7	63	66.4
Sử dụng bao cao su thường xuyên với bạn tình thường xuyên trong 1 tháng qua (n)	117	60	116	121	108	112	84	113	86	74
Tỷ lệ %	30.8	31.7	31.9	18.2	5.5	17.2	34.5	11.6	15.1	32.4
MDĐP đã từng tiêm chích ma túy (n)	300	138	300	300	300	300	300	282	159	151
Tỷ lệ %	4.7	16.7	0.3	-	12.8	15	17.7	1.1	0.6	4.6
MDĐP đã từng xét nghiệm HIV và biết kết quả	299	137	298	299	300	288	300	282	159	149
Tỷ lệ %	36.8	53.3	72.8	47.8	37.3	48.3	78.7	54.6	44.7	21.5

IBBS Vòng II: Giám sát Kết hợp Hành vi và Các chỉ số Sinh học HIV/STI

Các kết quả này được tóm lược từ báo cáo toàn văn "Kết quả Giám sát Kết hợp Hành vi và các Chỉ số Sinh học HIV/STI (IBBS) tại Việt Nam, Vòng II – 2009". Toàn văn báo cáo được lưu trữ tại Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung Ương (NIHE) và Văn phòng FHI 360 tại Việt Nam.